

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH NGHỆ AN**

*Bản án số: 08/2018/ST-HNGĐ
Ngày 08 tháng 02 năm 2018
“ V/V Yêu cầu ly hôn ”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A – TỈNH NGHỆ AN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vi Văn Quang và ông Nguyễn Văn Đức

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Duy Phi - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Anh Sơn, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 08/02/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ an xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 103/2017/TLST-HNGĐ ngày 27/12/2017 về việc “yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-ST ngày 23/01/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T Sinh năm: 1984

Trú tại: Thôn 13, xã Long Sơn, huyện A, tỉnh Nghệ An - Có mặt

Bi đơn: Chị Trần Thị L Sinh năm: 1985

HKTT: Xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An

Trú tại: Tổ 1, Ấp X, xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang - Vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2017 và lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2011 vợ chồng bàn bạc vào huyện P, tỉnh Kiên Giang làm ăn nhưng sau đó không làm ăn được nên anh T bàn bạc chị L về quê làm ăn, chị L nói anh T về trước, khoảng 1 tháng sau chị L sẽ về, sau đó anh T có gọi chị L về nhiều lần nhưng chị L không về và ở lại huyện P, tỉnh Kiên Giang sinh sống, làm ăn cho đến nay. Vì vậy vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2011 cho đến nay. Hiện

tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau nên đã thống nhất ly hôn. Nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho anh T và chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Thị Kim C sinh ngày 30/01/2008, con ở với anh T từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay anh T và chị L thỏa thuận để con cho anh T tiếp tục nuôi. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Vợ chồng không có tài sản chung và không nợ ai. Nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Tại bản tự khai và đơn trình bày ý kiến ngày 29/12/2017 chị Trần Thị L trình bày:

Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 5 năm, đến năm 2011 vợ chồng cùng nhau vào huyện P, tỉnh Kiên Giang làm ăn được khoảng 1 tháng, sau đó anh T không chịu ở lại làm ăn và về quê làm ăn. Trước lúc về vợ chồng bàn bạc để con lại cho chị L nuôi nhưng anh T không đồng ý và đưa con về nuôi. Vì vậy vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay. Hiện tại vợ chồng không còn tình cảm với nhau do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không hòa giải được nay vợ chồng đã thống nhất ly hôn. Đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị L và anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Thị Kim C sinh ngày 30/01/2008, từ khi ly thân cho đến nay con ở với anh T, nay chị L thống nhất tiếp tục để cho anh T trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Không có tài sản chung và không nợ ai.

- Tại phiên Tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng trình tự tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình trong suốt quá trình điều tra, hòa giải và xét xử, bị đơn đã có đề nghị xét xử vắng mặt. Nhìn chung vụ án đã được thụ lý, điều tra và xét xử đúng trình tự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L được ly hôn; Về con chung, giao con chung là Nguyễn Thị Kim C sinh ngày 30/01/2008 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn phần cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị L; Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về thủ tục tố tụng*: Hiện nay chị Trần Thị L là bị đơn đang cư trú tại Tổ 1, Ấp X, xã B, huyện P, tỉnh Kiên Giang nhưng ngày 02/12/2017 anh T và chị L đã làm văn bản thoả thuận chọn Tòa án nhân dân huyện A nơi nguyên đơn là anh Nguyễn Văn T cư trú để giải quyết. Căn cứ điểm b, khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Nghệ an đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Trần Thị L có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và giải quyết xét xử vắng mặt. Vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 điều 207 BLTTDS. Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Trần Thị L theo quy định tại khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 BLTTDS là có căn cứ.

- *Về nội dung vụ án*: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L kết hôn với nhau năm 2006 do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện A, tỉnh Nghệ An, hôn nhân hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 5 năm, đến năm 2011 vợ chồng cùng nhau vào huyện P, tỉnh Kiên Giang làm ăn, khoảng 1 tháng sau anh T bàn với chị L về quê nhưng chị L không đồng ý nên anh T đã đưa con về quê sinh sống làm ăn, còn chị L ở lại huyện P, tỉnh Kiên Giang sinh sống làm ăn, vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 đến nay.

Xét tình cảm của anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L thực sự không còn với nhau, do vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2011 đến nay, hai người chỉ biết bồn phận cho riêng mình, không còn quan tâm, chăm sóc và có trách nhiệm với nhau, tình nghĩa vợ chồng cũng không còn nên đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn T là phù hợp với điều 51, điều 56 Luật hôn nhân gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của chị Trần Thị L cũng có nguyện vọng được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 1 con chung là Nguyễn Thị Kim C sinh ngày 30/01/2008, con ở với anh T từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay anh T và chị L thoả thuận để con cho anh T tiếp tục nuôi. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con, nên cần chấp nhận giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Tạm hoãn phần cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị L.

Về tài sản chung và các khoản nợ: Anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L đều khai không có tài sản chung và không nợ ai và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm b, khoản 1 điều 39; khoản 1 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Trần Thị L.

- **Về con chung:** Giao con chung là Nguyễn Thị Kim C sinh ngày 30/01/2008 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn phân cấp dưỡng nuôi con cho chị Trần Thị L.

Sau khi ly hôn, chị Trần Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về án phí:

Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn (Đã nộp theo biên lai số 0005444 ngày 27/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A).

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai tại địa phương nơi người vắng mặt cư trú.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND A
- THA A
- TAND tỉnh
- UBND xã
- Lưu HS,

**TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Hoàng Thị Lệ Hằng

